

V/v báo giá dự toán đơn hàng mua sắm
vật tư cho LSX 98/LSX-LDA & 91/LSX-
LDA

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư

Công ty nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA) hiện đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất cho nhà máy Alumin.

Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng mua sắm vật tư cơ điện tháng 6 năm 2026, LDA kính mời các nhà cung cấp vật tư tham gia khảo sát và báo giá dự toán vật tư với các yêu cầu cụ thể như sau:

I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. Chứng loại, danh mục, số lượng vật tư: Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.

- Đối với các mục không chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong bảng báo giá giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn Giá; Thành tiền ghi là “0” hoặc ghi là “*Không chào giá*”.

2. Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật:

- Hàng hóa, vật tư cung cấp theo từng chủng loại do nhà cung cấp chào phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật như nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Hàng hoá chào giá là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

3.1 Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương được LDA chấp thuận.

+) Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO,CQ.

+) Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối, hoặc bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực của bản sao CO,CQ) trừ trường hợp được quy định cụ thể tại cột 7 – Phụ lục 1;

3.2. Ngoài các mục yêu cầu bắt buộc CO,CQ được ghi tại Cột 7 – phụ lục I thì nhà cung cấp phải cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu có đơn giá ≥ 50 triệu (đã bao gồm thuế, phí); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc văn bản tương đương đối với các phụ tùng, vật tư kỹ thuật mua của các nhà sản xuất trong nước có đơn giá > 10 triệu (đã bao gồm thuế, phí).

***Lưu ý:** Các giấy tờ CO,CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

4. Thời gian, tiến độ cung cấp:

Thời gian, tiến độ yêu cầu dự kiến tương ứng đối với từng chủng loại vật tư như nêu tại Cột 5 Phụ lục 1 kèm theo.

Trên cơ sở tiến độ yêu cầu dự kiến sử dụng của LDA, nhà cung cấp có thể đề xuất thời gian, tiến độ cung cấp hàng hoá theo tình hình thực tế của mình để LDA xem xét, quyết định cho phù hợp.

5. Địa điểm giao nhận: Kho của LDA tại nhà máy alumina, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.

6. Các yêu cầu khác:

- Điều kiện thanh toán: LDA sẽ thanh toán 95% trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ theo quy định, khoản tiền giữ lại 5% bảo hành, LDA sẽ thanh toán trong vòng 60 ngày sau khi hết hạn.

- Tạm ứng hợp đồng: LDA không áp dụng điều kiện tạm ứng hợp đồng.

II. Các yêu cầu và chỉ dẫn nộp bằng báo giá:

1. Yêu cầu bằng báo giá:

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bằng báo giá dự toán (bản giấy) điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.

- Hiệu lực bằng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày kể từ ngày báo giá.

2. Chỉ dẫn nộp bằng báo giá:

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bằng báo giá (bản giấy):

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.

+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680.

- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bằng báo giá dự toán (bản giấy) trước: 15h00 phút ngày 29 tháng 06 năm 2026.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC vật tư;
- Lưu VT, P.VT.



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thái

Phu lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	PT Máy lạnh Daikin Inverter FTKF71ZVMV 3HP hoặc tương đương (bao gồm phụ kiện lắp đặt hoàn thiện: Ống đồng dài 5m, băng quấn bảo ôn, silicon làm kín, ống nước lạnh dài 5m)	Cái	3	30 ngày	≥ 12 tháng		HCTH3 (98/LSX-LDA)
2.	Quạt điều hòa Daikiosan DM205 hoặc tương đương , công suất 680W, lưu lượng gió 15.500-16.000m ³ /h, kích thước: 870x548x1451mm	Cái	2	30 ngày	≥ 12 tháng		HCTH2 (98/LSX-LDA)
3.	Dây cáp điện CXV-2×2.5mm ² –0.6/1kV Cadivi hoặc tương đương	Mét	100	30 ngày			HCTH100 (98/LSX-LDA)
4.	MCB BBD2162CNV 2P 16A 6kA hoặc tương đương	Cái	5	30 ngày	≥ 12 tháng		HCTH5 (98/LSX-LDA)
5.	Công tắc xoay 3 vị trí LW12-16 4.0723.3 hoặc tương đương	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
6.	Nút dừng khẩn cấp YW1B-V4E01R (10A, 1NC) hoặc tương đương	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
7.	Nút nhấn màu đỏ XA2EW34M1, 220Vac, 1NO+1NC hoặc tương đương	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
8.	Nút nhấn màu xanh XA2EW33M1, 220Vac, 1NO+1NC hoặc tương đương	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
9.	Đèn báo trạng thái màu xanh XB7EV03MP 220VAC hoặc tương đương	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
10.	Đèn báo trạng thái màu đỏ XB7EV04MP 220VAC hoặc tương đương	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
11.	Thanh ray 35mm	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
12.	Domino CTS2.5UN hoặc tương đương	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
13.	Tủ điện 400x300x250mm, 2 lớp có mái che, inox 304. Lớp ngoài có kính nhựa meca	Cái	3	30 ngày			NHD3 (98/LSX-LDA)
14.	Cáp điện 8x1.5mm ² , có lưới chống nhiễu, Sạgin hoặc tương đương	Mét	450	30 ngày			NHD450 (98/LSX-LDA)

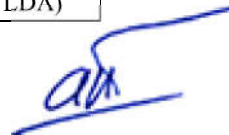
TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
15.	Ống nhựa xoắn HDPE phi 32/25	Mét	450	30 ngày			NHD450 (98/LSX-LDA)
16.	Biến tần HOPE800G22T4 22kW 3P 380V 50/60Hz, gồm Control Panel SB-PU04LCD hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ	TM1 (98/LSX-LDA)
17.	Tủ điện KT: C2200xR700xS800mm, Chiều cao bao gồm chân đế 100mm, 2 cánh mở trước sau, sơn tĩnh điện, lắp đặt sẵn khung đỡ thiết bị	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		TM1 (98/LSX-LDA)
18.	Bộ lọc SH920-60, 3P, 60A, 440VAC, 50/60Hz hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		TM1 (98/LSX-LDA)
19.	Cuộn kháng OCL-0060-EISC-EM12, 60A, 380V~480V, 0,012mH, EAGTOP, SHANGHAI hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		TM1 (98/LSX-LDA)
20.	MCB A9F74110, 1P, 10A, 6kA hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		TM1 (98/LSX-LDA)
21.	MCCB CVS100F, 3P, 63A, Schneider hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		TM1 (98/LSX-LDA)
22.	Contacto LC1D50AM7, 3P, 50A, Schneider hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		TM1 (98/LSX-LDA)
23.	Thanh ray 35mm	Thanh	1	30 ngày			TM1 (98/LSX-LDA)
24.	Công tắc xoay 3 vị trí LW12-16 4.0723.3 hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày			TM1 (98/LSX-LDA)
25.	Đèn báo trạng thái màu đỏ XB7EV04MP 220VAC hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày			TM1 (98/LSX-LDA)
26.	Đèn báo trạng thái màu xanh XB7EV03MP 220VAC hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày			TM1 (98/LSX-LDA)
27.	Nút dừng khẩn cấp YW1B-V4E01R (10A, 1NC) hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày			TM1 (98/LSX-LDA)
28.	Biến trở WXD4-23-3W 4K7 Ω \pm 5% C \pm 0.3% hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày			TM1 (98/LSX-LDA)
29.	Nút nhấn màu đỏ XA2EW34M1, 220Vac, 1NO+1NC hoặc tương đương	Cái	2	30 ngày			TM2 (98/LSX-LDA)
30.	Nút nhấn màu xanh XA2EW33M1, 220Vac, 1NO+1NC hoặc tương đương	Cái	2	30 ngày			TM2 (98/LSX-LDA)
31.	Cáp điều khiển Sangjin 12x1.5mm ² hoặc tương đương (có lưới chống nhiễu)	Mét	20	30 ngày			TM20 (98/LSX-LDA)



TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
32.	Cáp điều khiển Sangjin 5x1.5mm ² hoặc tương đương (có lưới chống nhiễu)	Mét	20	30 ngày			TM20 (98/LSX-LDA)
33.	Cáp điện CVV 4x25mm ² , 0,6/1kV hoặc tương đương	Cái	20	30 ngày			TM20 (98/LSX-LDA)
34.	Domino CTS2.5UN hoặc tương đương	Cái	50	30 ngày			TM50 (98/LSX-LDA)
35.	Máng nhựa 45x65mm, 1.7m/cây	Cây	3	30 ngày			TM3 (98/LSX-LDA)
36.	Phin lọc bụi tủ điện ZL 806 Kích thước phủ bì: 320x320mm. Kích thước lỗ khoét: 283 x 283mm.	Cái	2	30 ngày	≥ 12 tháng		TM2 (98/LSX-LDA)
37.	Khung chân đế tủ C100*R800*D2400*2 mm. C100*R800*D2400*2 mm. Thép dập định hình dạng C100*50*2mm Hàn hoàn thiện. Sơn tĩnh điện màu đen.	Bộ	1	30 ngày	≥ 12 tháng		TM1 (98/LSX-LDA)
38.	Cáp đồng mềm Vcm 1x25mm ² hoặc tương đương , vỏ bọc vàng xanh	Mét	30	30 ngày			TM30 (98/LSX-LDA)
39.	Cáp điện CXV 4x3.5mm ² hoặc tương đương	Mét	1000	30 ngày			HTCD1000 (57/LSX-LDA)
40.	Máy chấm công vân tay + thẻ cảm ứng RONALD T8a Dung lượng nhớ lưu trữ trong máy 100.000 IN/OUT hoặc tương đương	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		NL1
41.	Guốc phanh đã đóng má phanh - Xe nâng H20 CPC20HB-G6	Bộ	2	30 ngày	≥ 03 tháng		ND2 (91/LSX-LDA)
42.	Quả tạ bom cao áp - Xe nâng H20 CPC20HB-G6	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
43.	Xi lanh thủy lực nâng hạ D60x1650 - Xe nâng H20 CPC20HB-G6	Cái	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
44.	Xi lanh trợ lực lái - Xe nâng H20 CPC20HB-G6	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
45.	Ắc phi đề xe nâng Heli (Gồm: 1 ắc, 2 vòng bi đũa, 1 mặt chà vòng bi, 2 phốt chắn bụi, 2 bạc thép)	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
46.	Bạc đạn pitê - xe nâng H20 CPC20HB-G6	Vòng	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
47.	Ổ khóa điện- Xe nâng H20 CPC20HB-G6	Cái	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)



TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
48.	Bộ khởi động - 12V - 3.7kW - Xe nâng H2O CPC20HB-G6	Cái	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
49.	Đĩa côn đã tán bố côn - Xe nâng 490B	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
50.	Bạc balie - Xe nâng CPC20HB G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
51.	Bạc biên (đầu to thanh truyền) 49B YF.00- xe nâng Heli H2O	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
52.	Bạc biên cos 0 - Xe nâng CPC20HB-G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
53.	Xi lanh trợ lực lái - Xe nâng 2 tấn	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
54.	Xupap nạp - Xe nâng H2O CPC20HB-G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
55.	Xupap xả - Xe nâng H2O CPC20HB-G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
56.	Bơm dầu bôi trơn động cơ - Xe nâng H2O CPC20HB G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
57.	Bơm trợ lực lái - xe nâng CPC20HB-G6/490BPG	Cái	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
58.	Phốt ghít - xe nâng CPC20HB-G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
59.	Vòng bi tê - Xe nâng 490BPG	Vòng	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
60.	Lốp Bridgestone 6.00-9 10Pr(gồm Lốp+săm+yếm) hoặc tương đương	Bộ	2	30 ngày			ND2 (91/LSX-LDA)
61.	Lốp Bridgestone 7.00-12 12Pr(Gồm lốp+săm+yếm) hoặc tương đương	Bộ	2	30 ngày			ND2 (91/LSX-LDA)
62.	Hộp lọc gió xe nâng - Xe nâng H2O CPC20HB G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
63.	Đèn hậu (thắng + đèn mi + xi nhan) - Xe nâng H2O CPC20HB-G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
64.	Lọc gió P822768	Cái	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
65.	Nước làm mát động cơ Turbocool Ready Mix	Lít	10	30 ngày	≥ 03 tháng		ND10 (91/LSX-LDA)
66.	Gioăng đại tu nguyên bộ - Xe nâng CPC20HB G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)



TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
67.	Mặt quy lát - Xe nâng CPC20HBG6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
68.	Lò xo mặt quy lát (16 cái/bộ) - Xe nâng CPC20HB G6/490BPG	Bộ	1	30 ngày	≥ 03 tháng		ND1 (91/LSX-LDA)
69.	Khớp nối thủy lực YOX II Z 400, kèm Moay ơ D280xD225xD110xD60x140	Cái	1	30 ngày	≥ 12 tháng		NL1

Ghi chú:

- Nhà cung cấp khảo sát tại trực tiếp tại phân xưởng của LDA, các vật tư/ phụ tùng cung cấp lắp đặt phải tương thích với thiết bị/dây chuyền hiện tại của LDA.



Phụ lục 2: Biểu mẫu báo giá dự toán

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢNG BÁO GIÁ DỰ TOÁN

Kính gửi: Công ty nhôm Lâm Đồng – TKV

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá dự toán số ____ [Ghi số, ngày của thư mời báo giá]. Chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp] trân trọng gửi bảng báo giá dự toán cụ thể như sau:

STT	Chủng loại hàng hóa/vật tư theo yêu cầu của LDA	Chủng loại hàng hóa/thông số nhà cung cấp để xuất	Nhà sản xuất/Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian BH)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
Tổng cộng giá chào trước thuế:											
Thuế GTGT:											
Tổng cộng giá chào sau thuế:											
(Bằng chữ:)											

Hiệu lực báo giá:..... ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- **Cột số (2):** Nhà cung cấp điền đúng chủng loại, thông số yêu cầu như cột (2) của phụ lục I.
- **Cột số (3):** Chỉ điền khi chào chủng loại hàng hoá, vật tư, thông số khác so với nhu cầu của LDA (trường hợp đúng yêu cầu của LDA thì bỏ trống).
- **Cột số (4):** Ghi rõ nhà sản xuất/ hãng sản xuất; xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột (5).
- **Cột số (8) và (9):** điền đvt và số lượng theo yêu cầu của LDA, trường hợp hiệu chỉnh lại đơn vị tính và số lượng theo thực tế thị trường thì nhà cung cấp ghi rõ vào phần ghi chú (cột 12).
- **Cột số (10)** ghi đơn giá, là đơn giá tổng hợp, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá C&IF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa cho đến khi hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại kho của LDA.
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy cam kết chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời chào giá khi giao hàng, thì nhà cung cấp phải ghi vào Cột 7.
- Đối với trường hợp NCC chào chủng loại hàng hoá, quy cách, đặc tính kỹ thuật bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch song ngữ bằng tiếng Việt trong bảng báo giá.